

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP, ngày 15/5/2018, của Chính phủ, về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo

Thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2018, của Chính phủ (Nghị quyết), Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả thực hiện năm 2018 cụ thể sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

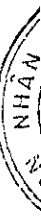
1. Về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết

Ngày 15/5/2018, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP, về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 123/KH-UBND, ngày 20/7/2018, về thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP, của Chính phủ, đã cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết đến các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết

- Tiếp tục thực hiện tốt quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách trên các lĩnh vực đăng ký kinh doanh, đầu tư, tài nguyên và môi trường, xây dựng, thuế, hải quan..., gắn với thực hiện thủ tục theo quy trình tiêu chuẩn ISO, công khai các thông tin, quy định, đơn giản hóa thủ tục đăng ký kinh doanh, thành lập mới doanh nghiệp.

- Thực hiện tốt quy trình một cửa đăng ký kinh doanh, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh, thành lập mới doanh nghiệp giảm còn 1,5 ngày, đăng ký thay đổi giảm còn 01 ngày và phán đấu giảm xuống còn 0,5 ngày;



lũy kế đến 31/12/2018, toàn tỉnh có 1.617 doanh nghiệp thành lập mới, với số vốn đăng ký là 37.308 tỷ đồng, tăng 11,6% và 2,1 lần về số lượng doanh nghiệp và số vốn so với cùng kỳ. Có 1.231 lượt doanh nghiệp thực hiện thủ tục đầu tư đăng ký qua mạng tăng 5,6 lần so với cùng kỳ năm 2017. Trong năm đã tiếp nhận trên 8.300 lượt hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp, trả kết quả đúng hạn 100%. Số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 8.076 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 80.760 tỷ đồng.

Đối với lĩnh vực đầu tư, các dự án ngoài ngân sách, tỉnh đã thực hiện tốt quy trình thủ tục liên thông đầu tư các dự án không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong thực hiện các thủ tục đầu tư và triển khai thực hiện dự án. Đồng thời, thực hiện tốt kiểm tra, giám sát đầu tư các dự án không sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư thực hiện. Tính đến năm 2018, Kiên Giang thu hút được 749 dự án (bao gồm các dự án có vốn đầu tư nước ngoài), tổng vốn đầu tư 527.314 tỷ đồng, diện tích sử dụng đất 35.662,24 ha. Trong đó, có 381 dự án đi vào hoạt động, với tổng vốn đầu tư 126.006 tỷ đồng, quy mô diện tích 27.205,6 ha. Riêng năm 2018, đã thu hút đầu tư được 28 dự án, tổng vốn đăng ký 13.166,06 tỷ đồng; diện tích sử dụng đất 437,14 ha, trong đó: Phú Quốc 10 dự án, tổng vốn đăng ký 8.781 tỷ đồng, với diện tích 219,86 ha; tại các khu công nghiệp, cấp mới 05 dự án, tổng vốn đăng ký 278 tỷ đồng, diện tích 9,49 ha. Trong năm 2018, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang, đã tiếp nhận 34 hồ sơ, trong đó: Giải quyết 29 hồ sơ; 05 hồ sơ đang trong thời gian giải quyết; 12 hồ sơ (lĩnh vực đầu tư), đã rút ngắn thời gian giải quyết bình quân là 5,1 ngày so với quy định.

- Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết các công việc hành chính liên quan đến tổ chức và công dân; hội nghị trực tuyến giữa tỉnh với các huyện, thành phố; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn bản và điều hành được duy trì và phát huy hiệu quả. Đến nay, toàn tỉnh có 37/37 cơ quan đơn vị hành chính cấp tỉnh và huyện triển khai xây dựng hệ thống cổng/trang thông tin điện tử để cung

cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP, ngày 13/6/2011, của Chính phủ; hoàn chỉnh việc nâng cấp phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc và đã triển khai đến 100% các sở, ngành và địa phương. Hoàn thiện hệ thống một cửa điện tử tại 21 sở, ngành tỉnh, cung cấp 1.009 dịch vụ công (DVC) mức 2,328 DVC mức 3 và 68 DVC mức 4.

- Trong năm, đã tiếp nhận và xử lý trên hệ thống một cửa điện tử tại các sở, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố là 41.297 hồ sơ. Tỉnh đã ban hành 11 quyết định công bố thủ tục hành chính (TTHC), với tổng số 435 TTHC (trong đó: Công bố TTHC mới 396 thủ tục; hủy bỏ 303 thủ tục; sửa đổi, bổ sung 39 thủ tục). Duy trì thực hiện cơ chế một cửa tại 21/22 các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, 15/15 huyện, thành phố và 145/145 xã, phường, thị trấn; 06 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và 03 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế; duy trì thực hiện mô hình cơ chế một cửa điện tử tại 21/22 các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh.

- Tổ chức 03 cuộc đối thoại doanh nghiệp có 20 doanh nghiệp trực tiếp đề xuất 22 nội dung kiến nghị, vướng mắc của doanh nghiệp được các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố giải đáp hướng dẫn trực tiếp.

- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) được quan tâm, chỉ đạo. Tính từ đầu năm đến nay đã cập nhật và niêm yết công khai 100% các TTHC trên cổng thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang và trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC với 31 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính đã phân loại và đã xử lý đúng theo quy định, đạt tỷ lệ 100%. Tổng số TTHC hiện nay trên địa bàn tỉnh là 2.030 thủ tục. Trong đó, cấp tỉnh: 1625 thủ tục; cấp huyện: 278 thủ tục; cấp xã: 133 thủ tục.

Kết quả giải quyết TTHC (bao gồm cả hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; theo dịch vụ công trực tuyến): Tổng số hồ sơ tiếp nhận 656.454 hồ sơ; số hồ sơ đã giải quyết 629.134 hồ sơ đạt 95,83% so tổng số hồ sơ tiếp nhận (trong đó: Số hồ sơ giải quyết đúng hạn 626.442 hồ sơ, đạt 99,57%; số hồ sơ giải quyết quá hạn 2.694 hồ sơ, chiếm 0,43%); số hồ sơ đang giải quyết 27.320 hồ sơ.

- Trong đó:

+ Cấp tỉnh: Tiếp nhận: 71.572 hồ sơ. Giải quyết: 62.337 hồ sơ (đúng hạn: 61.878 hồ sơ, đạt 99,26%, quá hạn: 459 hồ sơ, chiếm 0,74%) đang giải quyết: 9.235 hồ sơ.

+ Cấp huyện: Tiếp nhận: 105.716 hồ sơ. Giải quyết: 90.419 hồ sơ (đúng hạn: 88.500 hồ sơ, đạt 97,88%; quá hạn: 1.919 hồ sơ, chiếm 2,12%); số hồ sơ đang giải quyết: 15.297 hồ sơ.

+ Cấp xã: Tiếp nhận: 479.166 hồ sơ. Giải quyết: 476.378 hồ sơ (đúng hạn: 476.062 hồ sơ, đạt 99,93%; quá hạn: 316 hồ sơ, chiếm 0,07%); số hồ sơ đang giải quyết: 2.788 hồ sơ.

- Về cải cách quy trình, thủ tục hành chính có liên quan đến quản lý xây dựng công trình, do Bộ Xây dựng ban hành. UBND tỉnh đã công bố bộ TTHC theo Quyết định số 108/QĐ-UBND, ngày 13/01/2017 và Quyết định số 2386/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018. Trong năm 2018, thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (ĐTXDCT), thiết kế cơ sở 50 hồ sơ; thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật (KT-KT) 95 hồ sơ; thẩm định thiết kế, dự toán 94 hồ sơ và cấp giấy phép xây dựng 11 hồ sơ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng và các thủ tục liên quan tối đa không quá 70 ngày, thời gian rút ngắn trung bình 02 đến 07 ngày/hồ sơ.

- Thực hiện kê khai và nộp thuế điện tử đạt 96,99%, rút ngắn thời gian và chi phí đi lại cho doanh nghiệp; giảm số giờ giải quyết thủ tục thuế xuống còn 117 giờ/năm; công khai, niêm yết và giải quyết TTHC thuế, đã cắt giảm từ 183 bộ thủ tục xuống còn 165 bộ thủ tục ở cấp Cục thuế. Tại Chi cục thuế từ 172 bộ thủ tục xuống còn 123 bộ thủ tục. Tính từ đầu năm đến nay đã lập 116 quyết định, đã hoàn thuế GTGT, với tổng số thuế được hoàn 355 tỷ đồng.

- Tổng số tờ khai xuất nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành 92 tờ khai, chiếm 3,48% tổng số tờ khai xuất nhập khẩu (tổng số tờ khai xuất nhập khẩu 2.641 tờ khai). Triển khai vận hành hệ thống VNACCS/VCIS đối với lĩnh vực hải quan, với tổng số 3.303 tờ khai xuất nhập khẩu (XNK) đối với lĩnh vực hải

quan. Triển khai dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và 4, thực hiện tốt công tác “Tuyên ngôn phục vụ khách hàng”. Thời gian thông quan đối với hàng nhập khẩu trong năm 2018 là 17 giờ 58 phút 38 giây tăng so với kết quả năm 2017 (13 giờ 11 phút 49 giây), lý do tăng vì năm 2018 phát sinh thêm tờ khai nhập khẩu luồng vàng, luồng đỏ tất cả các tờ khai này theo quy định cần phải có giấy phép kiểm tra chuyên ngành như: Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, giấy chứng nhận kiểm tra số lượng.

- Tiếp tục rà soát và đề xuất Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN) hoàn thiện các quy trình giải quyết TTHC theo hướng nâng lên cấp độ 3,4 giai đoạn 2018 - 2020. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn tỉnh triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) và Chỉ thị số 15/CT-TTg, ngày 15/6/2018, của Thủ tướng Chính phủ, về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV theo chỉ đạo của NHNNVN; đẩy mạnh chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp; tranh thủ nguồn vốn từ các chương trình tín dụng từ hội sở chính mở rộng tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên; công khai hóa thủ tục cho vay, cung cấp dịch vụ với khách hàng. Trong năm 2018, Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh tỉnh Kiên Giang, ban hành mới 17 quy trình TTHC và ban hành sửa đổi 10 quy trình TTHC theo hướng rút ngắn thời gian giải quyết (mỗi quy trình giảm từ 01 đến 02 ngày); tiếp nhận 15 TTHC, nâng tổng số TTHC tiếp nhận lũy kế từ đầu năm là 117 TTHC (100% TTHC giải quyết trước thời hạn và không có TTHC tồn đọng).

- Thực hiện niêm yết công khai các TTHC về lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo đúng quy định. Đã rà soát, công bố chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính gồm 115 thủ tục, trong đó, có 93 thủ tục cấp tỉnh, 17 thủ tục cấp huyện, 05 thủ tục cấp xã; đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, nhất là thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cải cách TTHC. Thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đang thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đối với 7 lĩnh vực (đất đai, môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản, đo đạc và bản đồ, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn). Thực hiện bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa đã rút ngắn thời gian xử

lý giảm 10% so với quy định (trong 93 thủ tục có 05 thủ tục không quy định thời gian giải quyết), cụ thể là giảm 37/88 thủ tục cấp tỉnh như: Thủ tục đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào giấy chứng nhận đã cấp theo quy định thời gian thực hiện là 20 ngày, đối với vùng có điều kiện kinh tế khó khăn thì được thêm 15 ngày, trong bộ TTHC mới ban hành thời gian chỉ còn 30 ngày giảm 5 ngày so với quy định; cấp lại giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của giấy chứng nhận do bị mất, thời gian thực hiện 30 ngày, giảm 15 ngày so với quy định; cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định là 45 ngày, giảm còn 35 ngày; thủ tục báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định là tổng thời gian giải quyết là 50 ngày, giảm còn 35 ngày làm việc, giảm 15 ngày.

- Thời gian tiếp cận điện năng đã được rút ngắn, đối với lưới điện trung thế từ 36 ngày xuống còn 13 ngày; lưới điện trên không cấp giấy phép xây dựng không quá 07 ngày làm việc và không quá 10 ngày làm việc đối với lưới điện trung áp ngầm cấp phép.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng. Đến nay đã kiểm tra 2.376 vụ, trong đó: Đã xử lý 407 vụ và nộp ngân sách nhà nước 8,39 tỷ đồng.

- Trong năm, tỉnh đã kết nối được nhiều đối tác mới, tiềm năng với các nước: Nga, Ấn Độ, Séc, Nhật Bản, Hàn Quốc..., đã tổ chức 03 đoàn công tác đi xúc tiến thương mại, du lịch tại Ấn Độ, Liên bang Nga, Nhật Bản. Tiếp tục thực hiện thỏa thuận hợp tác về cấp nước và xử lý nước thải với thành phố Kobe, Nhật Bản; hợp tác phát triển ngành thủy sản với tỉnh Yamaguchi, Nhật Bản. Mời đoàn lãnh đạo tỉnh Yamaguchi đến Kiên Giang, sơ kết hợp tác giữa hai tỉnh; tổ chức hội nghị sơ kết 02 năm hợp tác với tỉnh Salavan, Lào; tổ chức hội nghị sơ kết 01 năm hợp tác Kiên Giang – Kam-pốt tại tỉnh Kam-pốt, Campuchia; sơ kết kết quả hợp tác giai đoạn 2012 - 2017 giữa tỉnh Kiên Giang với tỉnh Koh Kong Campuchia và phương hướng hợp tác trong thời gian tới. Khuyến khích các doanh nghiệp tham dự Hội nghị Thương mại Ấn Độ - CLMV lần thứ 5 tại PhnômPênh, Campuchia nhằm xúc tiến đầu tư thương mại giữa Ấn Độ với

Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam; tìm kiếm cơ hội và quan hệ hợp tác cụ thể trong lĩnh vực như: Nông nghiệp, thực phẩm, thiết bị nông nghiệp, chăm sóc sức khỏe, công nghệ thông tin và truyền thông, giáo dục đào tạo, sản xuất...

- Tăng cường tư vấn, xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển, tổ chức xây dựng xác lập quyền cho 07 nhãn hiệu tập thể tại các địa phương trong tỉnh: Dưa Hoàng Kim – huyện Vĩnh Thuận; Cá Bớp Nam Du – huyện Kiên Hải; Tiêu Hòn Tre; Tôm Khô Hà Tiên; Chuối Xiêm U Minh Thượng; Cua Biển An Minh; Tôm Càng Xanh Gò Quao. Hỗ trợ các chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể xây dựng quy chế quản lý và phát triển 05 nhãn hiệu đã được bảo hộ: Cỏ Bàng Phú Mỹ; Sò Huyết An Biên – An Minh; Hồ Tiêu Vĩnh Hòa Hưng Bắc; Tiêu Ngọc Hòa; Khóm Vĩnh Phước A. Tiếp nhận, đánh giá sơ bộ trên 270 giải pháp, sáng kiến trong đợt 01/2018 để chuẩn bị đưa ra hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xem xét thẩm định.

- Đã thực hiện rà soát và đề xuất cắt giảm 07 TTHC đối với lĩnh vực giao thông; niêm yết công khai 105/105 TTHC theo cơ chế 1 cửa đạt 100%. Trong đó mức độ 3 là 10/105 TTHC đạt 9,5%, mức độ 4: 95/105 TTHC, đạt 90,5%. Thực hiện các giải pháp kiểm soát hợp lý việc đăng ký giá của các đơn vị kinh doanh vận tải, phải thực hiện kê khai giá theo đúng quy định tại các nơi giao dịch, quầy vé, các cầu cảng, bến và trên phương tiện để hành khách biết; các dự án cầu BOT doanh nghiệp phải niêm yết giá tại đầu dự án, giá thu dịch vụ không vượt giá tối đa được UBND tỉnh ban hành.

- Công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo xử lý kịp thời, tránh trùng lặp, chồng chéo và đảm bảo doanh nghiệp thanh tra không quá 01 lần/năm. Trong năm, đã tiến hành 05 cuộc thanh tra liên quan đến các doanh nghiệp (trong đó, 02 cuộc theo kế hoạch và 03 cuộc đột xuất). Kết quả thanh tra đều kiến nghị xử lý về ba mặt như: 18 kiến nghị xử lý về chủ trương; kiến nghị xử lý hành chính – tổ chức đối với 13 tập thể và 28 cá nhân; kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền sai phạm 1.801 triệu đồng.

- Thực hiện tốt công tác đơn giản hoá thủ tục hành chính trên lĩnh vực y tế; tập trung chuẩn hóa, rà soát đơn giản hoá, công bố thủ tục hành chính ở các lĩnh vực ngành quản lý. Tiến hành rà soát các quyết định Bộ Y tế để công bố,

đơn giản hoá thủ tục, giảm thời gian ở mức tối thiểu trong việc thẩm định, cấp giấy phép hoạt động kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực y tế. Thực hiện đúng quy trình về trình tự, thủ tục hành chính, trong đó: Có 06 lĩnh vực thủ tục hành chính được công bố công khai tại bộ phận một cửa. Hầu hết, các cơ sở khám, chữa bệnh (KCB) trên địa bàn tỉnh đã ứng dụng công nghệ thông tin. Các cơ sở KCB tuyến xã/phường/thị trấn đã triển khai đồng bộ phần mềm VNPT-HIS cho 135 cơ sở trong toàn tỉnh, còn lại 08 cơ sở KCB chưa sử dụng phần mềm HIS; các cơ sở KCB tuyến huyện/thành phố đã phối hợp đưa vào sử dụng phần mềm VNPT-HIS 15/15 cơ sở; triển khai hệ thống kết nối máy xét nghiệm tự động cho 14 cơ sở KCB với tổng số 47 máy xét nghiệm, góp phần trả kết quả tự động nhanh và chính xác giảm thời gian cho bệnh nhân. Các cơ sở KCB tuyến tỉnh/huyện/xã đã nâng cấp phần mềm KCB-HIS đã kết nối liên thông dữ liệu và thanh toán bảo hiểm y tế (BHYT). Đến nay, toàn tỉnh có 15/15 huyện; tuyến tỉnh có 3/3 cơ sở KCB đã cập nhật chuẩn dữ liệu cập nhật hoàn tất danh mục theo Quyết định số 4210/QĐ-BYT, ngày 20 tháng 9 năm 2017, của Bộ Y tế, về việc quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra sử dụng trong quản lý, giám định và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, lên công giám định BHXH để thanh toán BHYT.

- Thực hiện tốt việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến đào tạo, tuyển dụng và sử dụng lao động. Trong năm, đã giải quyết việc làm cho 38.527/35.000 lượt lao động, trong đó: ngoài tỉnh 18.559 lượt; trong tỉnh 19.825 lượt; xuất khẩu lao động 143 người, tăng 10,07% so với kế hoạch. Thực hiện miễn toàn bộ học phí đối với học viên khi tham gia học nghề; đối tượng là gia đình người có công với cách mạng, hộ nghèo, người dân tộc, hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, người khuyết tật còn được hỗ trợ 15.000đ/người/ngày học và hỗ trợ tiền tàu, xe đi về nếu từ nơi học đến nhà từ 15 km trở lên; hộ cận nghèo được hỗ trợ 10.000đ/người/ngày học. Đối với người lao động có độ tuổi từ 16 - 35 khi học nghề làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và khu du lịch sẽ được miễn 100% học phí.

- Mạng lưới cơ sở dạy nghề từng bước được củng cố và phát triển, toàn tỉnh có 26 cơ sở đào tạo nghề gồm: 03 trường cao đẳng; 06 Trường trung cấp; 05 trung tâm; 03 cơ sở đào tạo khác; 09 Trung tâm giáo dục thường xuyên. Đội ngũ giáo viên dạy nghề toàn tỉnh có 704 người, trong đó đạt chuẩn về chuyên môn là 80%, đạt chuẩn trình độ kỹ năng nghề 90% và đạt chuẩn trình độ sư phạm 74%. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tuyển sinh và đào tạo cho 26.305/25.000 người, trong đó: Cao đẳng 2.759, trung cấp 2.905, sơ cấp và dạy nghề thường xuyên 20.641 người, đạt 105,22% (tăng 3,22% so với năm 2017), góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ lên 48%, đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT đối với các thủ tục kê khai và giải quyết các chính sách BHXH, BHYT và BHTN. Trong năm 2015, cắt giảm từ 115 thủ tục xuống còn 33 thủ tục, đến năm 2016, đã cắt giảm thêm 1 thủ tục (từ 33 thủ tục xuống còn 32 thủ tục); giảm 38% thành phần hồ sơ; giảm 42% tiêu thức trên tờ khai, biểu mẫu; giảm 54% quy trình, thao tác thực hiện... Đặc biệt, tháng 4/2017, BHXH Việt Nam đã ban hành Quyết định số 595/QĐ-BHXH, về quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm TNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT thì số TTHC thuộc phạm vi quản lý của ngành BHXH đã giảm 4 thủ tục, từ 32 TTHC xuống còn 28 TTHC. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính các quy trình thủ tục theo hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001-2008 từ 49 giờ còn 47 giờ, tạo được sự hài lòng cho tổ chức và cá nhân đến liên hệ làm việc. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả 3 hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả TTHC. Đó là, giao dịch trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả TTHC tại cơ quan BHXH; giao dịch điện tử: Doanh nghiệp nộp hồ sơ 24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần. Thủ tục giải quyết chế độ chính sách đã giảm từ 20% đến 46% thời gian giải quyết so với trước đây, việc rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC như ốm đau, thai sản, dưỡng sức, BHXH một lần, giải quyết lương hưu, trợ cấp hàng tháng, tuất..., đã nhận được sự ủng hộ, đồng tình của người tham gia, cụ thể:

Giải quyết TTHC	Theo quy định của BHXH Việt Nam	Thời gian giải quyết tại BHXH tỉnh	Giảm so với quy định
Ôm đau	10 ngày	08 ngày	20%
Thai sản	10 ngày	08 ngày	20%
Dưỡng sức	10 ngày	08 ngày	20%
BHXH một lần	10 ngày	08 ngày	20%
TNLD-BNN	10 ngày	09 ngày	10%
Giải quyết lương hưu, trợ cấp hàng tháng	20 ngày	12 ngày	40%
Tuất	15 ngày	08 ngày	46,6%
Điều chỉnh, sửa thẻ BHYT	03 ngày	In ngay trong ngày làm việc, sau khoảng 15 đến 20 phút	

Trong năm, đã thực hiện tiếp nhận và trả kết quả TTHC, BHXH tỉnh theo đúng quy định về quy trình và thủ tục. Tổng số hồ sơ nhận trong năm 140.514 lượt hồ sơ, với 648.987 lượt lao động phát sinh, đã trả 139.397 hồ sơ đúng quy định còn 1.1117 hồ sơ chưa đến hạn trả. Riêng tại văn phòng tỉnh, tiếp nhận là 15.151 lượt hồ sơ, với 67.913 lượt lao động phát sinh (tăng 2.408 hồ sơ so với năm 2017), đã trả 15.016 hồ sơ đúng quy định còn 135 hồ sơ chưa đến hạn trả. TNHS qua giao dịch điện tử (thu và giải quyết chế độ BHXH ngắn hạn), toàn tỉnh có 2.694/3.121 đơn vị thực hiện GDDT đạt 86.3%. Tại Văn phòng BHXH tỉnh đạt 100%.

II. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC.

1. Thuận lợi:

Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, sự phối hợp thực hiện của các sở, ngành, địa phương nên nhìn chung trong năm 2018, cơ bản đáp ứng các mục tiêu đề ra trong Kế hoạch số 123/KH-UBND, ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tỉnh đã tích cực chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện tốt cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa, minh bạch, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; công khai định hướng các quy hoạch; đẩy mạnh đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất sạch, đáp ứng nhu cầu mặt bằng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; triển khai đồng bộ có hiệu quả các cơ chế chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ tháo gỡ khó khăn kịp thời, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, tạo động lực khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh.

Tập trung cải cách thủ tục hành chính giải quyết nhanh gọn, rút ngắn thời gian giải quyết cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp; hàng năm đã tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp và nhà đầu tư để lắng nghe những kiến nghị, chia sẻ những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, từ đó có những giải pháp hỗ trợ kịp thời và hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo.

2. Khó khăn, vướng mắc

Mặc dù tỉnh đã có nhiều giải pháp chỉ đạo điều hành để thực hiện tốt công tác cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết, nhưng vẫn còn một số khó khăn vướng mắc, cụ thể như sau:

- Kết cấu hạ tầng tuy được đầu tư phát triển nhưng còn thiếu và chưa đồng bộ; hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nền hành chính điện tử còn hạn chế, trình độ công nghệ thông tin cũng như cơ sở vật chất chưa đồng bộ nên các doanh nghiệp còn gặp khó khăn.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác, công khai các loại thủ tục hành chính cũng như sự phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ



quan, giữa cơ quan và doanh nghiệp chưa được nhịp nhàng và hiệu quả. Chưa có bước đột phá trong việc ứng dụng công nghệ thông tin ở các doanh nghiệp;

- Các cán bộ công chức làm công tác cải cách hành chính của cơ quan đơn vị không ổn định, thường xuyên luân chuyển, thay đổi nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng hoạt động của bộ phận một cửa, một cửa liên thông.

- Công tác cải cách hành chính về lĩnh vực tài nguyên và môi trường còn một số khó khăn, nhất là số lượng thủ tục hành chính về đất đai; công tác phối hợp, trao đổi, lấy ý kiến giữa các sở, ngành có liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính còn chậm có ý kiến phản hồi.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2018 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

- Tiếp tục tuyên truyền và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính và Kế hoạch số 13/KH-UBND, ngày 29/01/2016, của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang theo Nghị Quyết số 36a/NQ-CP của Chính phủ;

- Thường xuyên cập nhật đúng, đủ, kịp thời thủ tục hành chính mới đang có hiệu lực thi hành, đồng thời tổ chức niêm yết công khai đúng quy định tại trụ sở cơ quan, trên trang thông tin điện tử để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, thực hiện và giám sát thực hiện thủ tục hành chính. Tiếp tục rà soát các quy định, thủ tục hành chính rườm rà, không cần thiết để kịp thời sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền;

- Kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh và đẩy nhanh tiến độ thi công dự án.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động nghiệp vụ hải quan. Duy trì và thực hiện có hiệu quả thủ tục hải quan điện tử từ hệ thống VNACCS/VCIS; hệ thống dịch vụ công trực tuyến; hệ thống nộp thuế điện tử và thông quan 24/7; cơ chế một cửa quốc gia; cơ chế một cửa ASEAN; khai thác và sử dụng có hiệu quả phần mềm nghiệp vụ; các trang thiết bị công nghệ thông tin; máy móc thiết bị phục vụ công tác chuyên

môn nghiệp vụ. Thực hiện xây dựng mới và nâng cấp các phần mềm đã được
trang bị đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý././200

Nơi nhận:

- VPCP;
- BKH & ĐT;
- TT.TU;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, nhsuong.

**KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Minh Phụng

